



## Cánh Cửa

### Dạ Lý Hành

Theo thông lệ, mỗi buổi họp mặt hàn huyên của người ở “tuổi bên kia ngọn đồi” đều trao đổi về một đề tài nào đó. Nhân năm Khi sắp khép lại, các anh chị muốn bàn về “cánh cửa”.

Cánh cửa vừa là vật thể vừa là biểu tượng gắn liền với người như hình với bóng từ khi vào đời tới khi vĩnh biệt đời. Nó gắn liền từ thể lý đến tâm lý, từ xã hội tới tôn giáo. Lĩnh vực nào chạm đến con người là chạm đến cánh cửa: Nơi con người cư ngụ hay di chuyển thì có cửa lều, cửa nhà, cửa xe, cửa tàu; nơi con người giao tiếp thì có cửa quan, cửa quyền, cửa chợ. Cái đụng tới chính con người thì có cửa sinh, cửa tử; trong tương giao thì có cửa trái tim, cửa tâm linh; trong niềm tin thì có cửa Thiên Đàng, cửa Địa Ngục...

Cửa là công cụ là hình ảnh phân ranh bên trong, bên ngoài. Cửa có thể mở hay đóng. Mở để đi ra hay đi vào, để đón nhận hay cho đi, để nối kết, thân giao, để cứu rỗi, thương công. Đóng để bảo vệ, đùm bọc, tâm tình; cũng có thể để khép kín, chối từ, để đoạn tuyệt, dứt tình; cũng có thể ‘đóng cửa bảo nhau’, ‘đừng vạch áo cho người xem lưng’; và biết đâu có thể để kết án, luận phạt.

Đời một người đứng trước bao cánh cửa. Có những cánh cửa đã mở sẵn, có những cánh cửa không bao giờ đóng, có những cánh cửa phải gõ mới mở cho, có những cánh cửa mở một lần rồi

vĩnh viễn đóng lại, có những cánh cửa khi mở ra dẫn đến những cánh cửa khác.

Lang thang qua những trang Thánh Kinh, bắt gặp một câu chuyện của thánh Luca, nội dung dường như nói về một **cánh cửa không bao giờ đóng**. Chuyện kể về một người cha già có hai người con trai. Người con thứ buồn chán với nếp sống quá ổn định, an lành, nề nếp, lễ giáo; cậu mơ bước vào cuộc sống ngoài khuôn khổ, ồn ào, phóng đảng. Cánh cửa đi vào thế giới ấy *luôn luôn rộng mở, luôn luôn mời mọc*. Cậu quyết định xin thu góp phần gia sản anh được hưởng (*mặc dầu cậu biết rằng xin chia phần gia sản trước khi cha mình qua đời là một thách thức với cái chết của cha mình*) và ra đi. Người cha già chỉ biết âu yếm cho cậu biết “*cửa nhà cha không bao giờ đóng.*” Một cánh cửa không bao giờ đóng là một cánh cửa mở cho người ra đi, cũng sẵn mở cho người trở về. Cánh cửa không bao giờ đóng này cũng chính là cánh cửa tấm lòng người cha. Trước cánh cửa nhà mở rộng, người cha già ngày ngày đứng chờ con trở về. “*Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để.*” (Lc 15:20).

Cánh cửa không bao giờ đóng là vòng tay chờ ôm ấp là trái tim chạnh lòng thương. Hình ảnh này giúp đi vào mấu chốt thoại lý thú giữa Đức Giêsu và các thầy Pharisêu trong chương 10 của Phúc Âm Gioan. Liệu Đức Giêsu có lẫn lộn chân dung mình khi nói rằng: “*Tôi LÀ cửa cho chiên ra vào...Tôi chính LÀ Mục Tử Nhân Lành. Mục tử nhân lành hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên.*”? (Ga 10:7-11). Người của thế kỷ 21, sống ngoài địa dư, tôn giáo Do Thái, có thể khó hiểu đoạn tin mừng của Thánh Gioan, nhưng đối với người Do Thái, nhất là giới lãnh đạo của họ, hiểu ngay Đức Giêsu muốn nói gì. Khi Đức Giêsu nói “*Tôi LÀ cửa chuồng chiên, LÀ Mục Tử*”, Ngài nói “ngôn ngữ” của họ. Linh mục Tạ Duy Tuyên, trong bài “*Cửa Chuồng Chiên*” trên mạng của Tổng Giáo Phận Saigon làm sáng tỏ hơn chữ “*LÀ*” mà Phúc âm Gioan nói “*họ (những thầy Pharisêu) không hiểu những điều Ngài nói với họ.*”. Cha Tuyên trích từ một cuốn sách: *Một du khách đến*

*Palestine, gặp được một mục tử đang làm việc tại một trại cừu. Người đó chỉ cho du khách thấy cảnh vật biển ào của cánh rừng. Thấy thế khách hỏi: “Đó là trại cừu, kia là mấy bầy cừu, đây là lối vào. Vậy còn cửa đâu?” Người mục tử hỏi lại: “Cửa hả?! Chính tôi là cửa. Ban đêm tôi nằm giữa lối đi này. Không một con cừu nào bước ra hay một con sói nào bước vào mà không qua xác tôi.”* Thế đó, Đức Giêsu đâu có lẩn lộn khi trình bày chân dung của mình: Ngài vừa là mục tử vừa là cửa. Ban ngày chủ chiên dẫn đàn chiên đi tìm đồng cỏ, suối nước, chiên lạc; ban đêm lấy mạng sống mình bảo vệ đàn chiên.

Rời những trang Kinh Thánh bước vào cõi nhân sinh. Nơi đây có rất nhiều cánh cửa. Bốn cánh cửa: cửa Sinh, cửa Tử, cửa Thiên Đàng và cửa Hỏa Ngục, những cánh cửa chỉ **mở một lần rồi vĩnh viễn đóng lại.**

### **Cửa Sinh**

Không ai bảo ai, nhưng ai ai cũng đều khóc thét khi bước vào sân khấu cuộc đời, tiếng khóc ấy được mệnh danh là “tiếng khóc chào đời”. Những người liên hệ xúm quanh, hồi hộp, căng thẳng chờ đón ‘lời chào’ ấy. Khi ‘lời chào’ vừa vang dậy, ai nấy thần kinh như giãn ra, hân hoan cười nói chúc mừng. Nhưng tại sao khóc mà không cười? Hỏi em bé mới sinh ư? Em sẽ không trả lời, em chỉ khóc! Vậy là các thi sĩ, triết gia, bác sĩ..., tùy theo sở trường hoàn cảnh tâm tư của mình, thi nhau trả lời thay em bé.

Ông Nguyễn Công Trứ, với những bầm dập thất bại chất chồng, trả lời rằng

*“Vừa sinh ra thì đã khóc chóc,*

*Trần có vui sao chẳng cười khi.”*

Thi sĩ Nguyễn Gia Thiều, với nỗi buồn vạn cổ của các cung phi bị quên lãng, đã thốt lên lời ai oán:

*“Thảo nào khi mới chôn nhau,  
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!  
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,  
Ai bày tỏ bãi bể nương dâu,  
Trắng răng đến thuở bạc đầu,  
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.”*

Có tiếng rầm rì không đồng ý với hai vị thi sĩ cao niên, cho rằng hai vị đã lấy những cảm nghiệm hơn nửa thế kỷ đời mình, lấy triết lý ‘đời là bể khổ’ để đặt vào môi miệng em bé.

Tiếng rầm rì ấy từ một vị hồi xưa là nhà bào chế thuốc. Với cái nhìn y học, ông nói: Không khóc sao được khi vào đời em bé phải già từ một thế giới kỳ diệu, thần tiên mà Thượng Đế đã tạo dựng cho riêng em, một thế giới hoàn toàn bình đẳng cho dù là con ông cháu cha, hoàng tử hay chăn trâu đều được dinh dưỡng, che chở đồng đều suốt thời gian chín tháng mười ngày để hóa kiếp từ ‘hạt bụi’ thành công chúa hay cô gái lọ lem.

Nơi cung lòng người mẹ, một dung dịch chất lỏng (amniotic fluid) gói tròn, bao bọc em bé lơ lửng như trôi trong không gian, chống lại những va chạm mạnh, những đè ép, ngay cả những bầm dập trên bụng mẹ; dung dịch này còn khả năng giữ nhiệt độ không thay đổi trước những nóng lạnh bất thường nơi người mẹ; nhiệt độ điều hòa em bé có những giấc ngủ an lành, thần tiên. Nguồn sống của em chính là dòng máu mẹ nhưng lại có khả năng ngăn chặn những đe dọa nội tại như vi khuẩn, những chất gây suy nhược thần kinh, hay độc hại pha lẫn trong máu người mẹ.

Từ nãy tới giờ im lặng nghe giọng điệu đầy màu mè u ám, chị Hương Nam Định xem ra không vừa ý, đặng háng lên tiếng: Đàn ông các anh nói chuyện trên trời dưới đất thực chất không dính líu gì tới em bé khóc khi chào đời. Chị muốn nói cái cảm nghiệm của người mẹ khi con mình vào đời. Đối với người mẹ ‘lời chào’ của em bé là lời du dương, ngọt ngào nhất; ‘lời chào’ làm tan biến mọi nặng nhọc trong chín tháng cưu mang và mọi đau đớn khi lâm bồn. Đối với em bé, hành trình đi qua cửa sinh hầu như dài lê thê, đầy gian khổ, đau đớn, đe dọa. Em khóc vì bỗng dưng nguồn sống bị cắt đứt, một chất gì đó len lỏi vào buồng phổi làm cho ngực căng phồng lên như cái bong bóng xẹp bỗng căng đầy không khí, da thịt mềm mại mong manh bị những bàn tay khô nhám cọ xát như chích như cưa. Ấy là chưa kể khi vừa lộ đầu lộ dạng, cái thế giới an bình, yên tĩnh, thần tiên bỗng biến mất. Những náo động ồn ào, nhất

là những “bạo hành” của nhóm bác sĩ y tá làm em bé hoảng sợ. Họ kéo đầu, ngoẹo cổ, cầm hai chân động ngược xuống đất! Họ lôi kéo, xô đẩy em vào một hoàn cảnh cha mẹ, gia đình, xã hội như thế mà chẳng thèm hỏi ý kiến, chẳng cho em một chọn lựa. Ôi cửa sinh là một cửa kinh hoàng, thật đáng sợ. Em bé rùng mình, “vừa sinh ra thì đã khóc chóc” là thế đấy! Một kinh nghiệm để đời.

Nghe đến đây chị Ba Hộ Diêm gơ tay phát biểu. Thường miệng khóc thì nước mắt tuôn trào hay hoen lệ, thế mà không ai thấy giọt nước mắt nào khi em bé khóc lúc được sinh ra. Có lẽ nên đổi ‘tiếng khóc chào đời’ thành ‘tiếng nói chào đời’: ‘Oa! Oa! Oa!’ hay ‘Wow! Wow! Wow!’ đồng nghĩa với: tuyệt vời! amazing! Cảm nghiệm tuyệt vời mà em bé nhận được về công trình tạo dựng của Đấng Tạo Hóa. Thánh Vịnh 139 ca tụng rằng:

*“Tặng phù con chính Ngài đã cấu tạo,  
đặt tâm hình hài trong dạ mẫu thân con.*

*Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng,  
Công trình Ngài xiết bao kỳ diệu.”*

(Tv. 139: 13-14)

‘Oa, Oa, Oa’ cũng là ‘Yea, Yea, Yea’. Xin vâng! Đấng Tạo Hóa dặn dò em bé về ‘Giấc Mơ’, hay chương trình Ngài đã có về em từ muôn thuở trong trái tim của Ngài. Em vào đời là cơ hội để em làm cho giấc mơ ấy, chương trình ấy thành hiện thực. Vì vậy em bé đã hồ hởi trả lời: ‘Oa, Oa – Yea, Yea, Vâng, Vâng.’

*“Mọi ngày đời được dành sẵn cho con,  
đều thấy ghi trong sổ sách Ngài,  
trước khi ngày đầu của con khởi sự.”*

(Tv. 139:16)

Rất tiếc là khi lớn lên, rồi già đi mình quên đi cái giấc mơ thần thánh và rất riêng tư, rất cá biệt đã được ghi trong sổ sách ấy cho đến một ngày mình ... bước qua cánh cửa khác.

Chị Ba làm mọi người ngơ ngác, và có lẽ đang nghĩ về giấc mơ của mình. Bỗng người anh hùng áo xám (được gọi là anh hùng áo xám vì anh rất bạo phát biểu và thích mặc áo rằn ri, coi rất ngẫu) làm loăng bàu khí và đề nghị bàn về cửa tử.

### **Cửa Tử**

Tôi nghĩ... Mọi người dồn cái nhìn về phía tiếng nói xem ai dám xung phong đi vào cửa tử. Anh Tư Xứ Nghệ đầu có sợ gì ba cái lẻ tẻ. Trong đời binh nghiệp anh đã vào sinh ra tử không biết bao nhiêu lần. Theo ý anh, Sinh và Tử giống nhau ở điểm khi đã bước qua, *cánh cửa vĩnh viễn khép lại*. Nói có sách mách có chứng, anh đưa câu chuyện ông già Ni-cô-đê-mô trong Phúc Âm làm bằng. Khi nghe đồn rằng Chúa Giêsu nói về vấn đề “*tái sinh*”, bán tín bán nghi, ông già Ni-cô-đê-mô, một tôn sư, một bậc thầy, một thủ lãnh của người Do Thái, đang đêm ông phải dò dẫm tìm tới Chúa Giêsu để cất vấn cho ra lẽ một chuyện khó tin: “*Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến. Quả vậy chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm, nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy*”. Đức Giêsu trả lời: “*Thật, tôi bảo thật ông: không ai có thể thấy nước Thiên Chúa nếu không được sinh ra một lần nữa bởi ơn trên*.” Ông Ni-cô-đê-mô thưa: “*Một người đã già rồi, làm sao sinh lại được? Chẳng lẽ người đó có thể trở vào lòng mẹ lần thứ hai để sinh ra sao?*” (Ga. 3:14-21)

Chết cũng thế thôi, chẳng lẽ một người có thể đội mồ sống lại để chết lần thứ hai. Sau khi bước qua cửa sinh thì ai cũng có kinh nghiệm về cuộc sống, mặc dầu khác nhau, nhưng chẳng có ai còn sống lại có thể nói kinh nghiệm về cõi bên kia cửa tử.

Dù sao cũng có thể có vài nhận xét tại ngưỡng cửa của cửa Tử.

- Cửa tử rộng mở đón nhận mọi người một cách rất bình đẳng, sòng phẳng, không phân biệt giàu sang quyền quý, nghèo nàn thứ dân, già trẻ lớn bé, học thức mù chữ, đàn ông đàn bà, thánh nhân tội phạm...

- Không ai biết mình sẽ được đón vào cửa tử cách nào: có thể thanh thản êm đềm như mơ, có thể kinh hoàng đau đớn, có thể trong nhà hay ngoài ngõ, trong rừng sâu hay biển cả...

- Không ai biết khi nào được mời tới cửa tử: Bây giờ, chút nữa, hôm nay, ngày mai, tuần tới, tháng sau, năm nữa...

- Cửa tử có tên là “chết” nó cướp đi bao nhiêu giấc mộng đang thành hình, làm dang dở bao nhiêu chương trình đang thực hiện, chẵn ngang mọi dự phóng thay đổi cuộc đời.

- Sợ! Sợ vì chưa sẵn sàng để chết, vì phải bỏ lại tất cả những gì đã lao tâm lao lực để tạo lập ra: danh vọng, sự nghiệp, của cải. Sợ vì cái chết huyền bí quá.

Đến đây thì nhiều người giơ tay muốn nói. Ông bác sĩ Quân Y thường rất ít nói, hôm nay trúng tần số nên hăng hái góp ý ngay: Cửa Tử có 2 mặt. Phía bên này thì khá hiển nhiên như anh Tư vừa trình bày. Phía bên kia thì thật là huyền bí. Chưa có ai từ phía bên kia trở về để nói cho phía bên này biết về bên kia, vì vậy có nhiều triết lý, tín lý khác nhau. Vì chưa bao giờ thuyết pháp, cũng không tìm hiểu tận căn tính của đạo Phật, mặc dầu là tín đồ, nên chỉ xin góp chút niềm tin mang tính chất nhân gian về cái chết của tín đồ Phật Giáo:

- Sinh và Tử là hai trong bốn hiện tượng vô thường trong giáo lý của Đức Phật. Con người đi đi về về từ hai cõi vô thường này mà không biết vòng sinh tử bắt đầu từ đâu và kết thúc khi nào. Không thể quan niệm được khởi đầu của vòng luân hồi, không thể khám phá được khởi điểm nguyên thủy của con người, bị cản trở trong màn vô minh và dính mắc trong ái dục, vọng, hấp tấp, chạy đảo điên xuyên qua vòng sanh tử liên tục tiếp diễn.

Trịnh Công Sơn trong nhạc phẩm “Ngẫu Nhiên” với điệu nhạc nhấn nhủ không buồn không vui về cái cõi đi về ấy:

*“Không có đâu em này,  
không có cái chết đầu tiên  
Và có đâu bao giờ,  
đâu có cái chết sau cùng.”*

Không có cái chết đầu tiên và cái chết sau cùng, con người của kiếp này không giống nhưng cũng không khác hoàn toàn con người của kiếp trước. Người “kiếp này” và người “kiếp trước” không là một nhưng vẫn được nối kết với nhau bởi cái “nghiệp”. Nguyễn Du nhấn nhủ:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,*

*Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

“Nghiệp” do “hành”, cụ thể là do thân, miệng, ý tạo ra. Khi vào đời con người mang lấy cái nghiệp do hành vi cử chỉ lời ăn tiếng nói trong quá khứ đã tạo nên. Nếu trong kiếp hiện tại mặc dầu sống đời sống trong sạch mà vẫn gặp phải những điều bất hạnh thì nên biết rằng đó là do nghiệp xấu của ta trong quá khứ, đừng “trách lẫn trời gần trời xa”. Trái lại, nếu sống đời nhơ bẩn tội lỗi mà vẫn được an vui hạnh phúc, giàu sang, may mắn, thì đó cũng do nghiệp tốt trong kiếp trước.

Nguyễn Thạch tự hỏi:

*Nhân sinh? Một kiếp thôi đã đi  
Đời sau nếu có? Chẳng làm người  
Mây nước chim bằng giương đôi cánh  
Rồi cũng trôi qua những phù du.*

Còn Nguyễn Công Trứ ao ước:

*Kiếp sau xin chớ làm người,  
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.*

Phải chăng Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Thạch muốn chấm dứt cái “cõi đi về” nên “chẳng làm người” chỉ mơ ước làm cây thông hay chim bằng. Mơ ước này có thể thành sự.

Để có chỗ tựa cho điều vừa nói, ông Quân Y mở internet, ông đọc trên trang web của Thư Viện Hoa Sen:

*“Đức Phật đã thấy tất cả chúng sinh hữu tình đều trải qua những vòng sinh tử luân hồi và thấy rõ những mối liên hệ với nhau qua nhiều dạng thể khác nhau. Bây giờ một số chúng sinh đang sống dưới hình thức những con vật thấp kém nhưng trước đây họ có thể đã mang dạng thể con người. Có thể chúng đã có lúc cùng một loại với chúng ta.”*

Vì vậy “... lời khuyên của Đức Phật, chớ có sát sinh, chớ có khuyến khích sát sinh, chớ có làm hại các sinh vật nhỏ bé trong nước, thậm chí chớ có đạp trên cỏ xanh...”.

Và hơn nữa “...tất cả chúng sinh hữu tình đều đã từng là bà con quyến thuộc của nhau, là cha mẹ, anh chị em, chồng vợ, con cái của nhau trong muôn vàn kiếp trước, hiện tại hay tương lai trong vòng luân hồi nhân quả trùng trùng.”.

Không muốn cuộc trao đổi thành vòng luân hồi, không chắm tận, ông con rể làng Hộ-Điêm,

gọi ông là ông Hộ Diêm cho gọn, xen vào: Không ngờ ông bác sĩ này giỏi văn thơ quá, lại nói có sách mách có chứng. Hay! Hay! Bây giờ tôi xin khép cửa nhà Phật, mở cửa nhà Chúa.

Ông Hộ Diêm luôn luôn nói có sách, vì thế để mình chứng “có sinh ra thì có chết đi” trước nhất ông trích sách Giảng Viên “Có một thời để chào đời, một thời để lìa thế”(Gv 3,2); tiếp đến là Thánh Vịnh 49:

*“Nào phàm nhân sống mãi được sao?  
Mà chẳng phải đến ngày tận số?  
Kìa thiên hạ thấy người khôn cũng chết  
Kẻ ngu đàn dại dột cũng tiêu vong  
Bỏ lại tài sản mình cho người khác  
Dù sống trong danh vọng,  
con người cũng không thể trường tồn.”*

(TV 49:10-13)

Rồi ông mở sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo (GLGHCG) chậm rãi đọc:

*“Sự chết là chỗ tận cùng cuộc lữ hành của con người nơi trần gian, chỗ tận cùng của thời gian ân sủng và từ bi mà Thiên Chúa dành cho mỗi người, ... Khi đã chấm dứt “đòng đời duy nhất của cuộc sống trần gian của chúng ta”, chúng ta sẽ không trở lại những kiếp sống khác nơi trần gian này. “Người ta chỉ chết một lần thôi” (Dt. 9:27). Không có sự “lại đầu thai” sau khi chết. (GLGHCG #1013)*

Sách Giáo Lý nói tới *cuộc lữ hành*. Lữ hành trong cuộc sống có thể có ít nhiều bạn đồng hành, những bạn đồng hành sẽ dừng lại trước cửa sự chết, chỉ một mình mình bước qua cánh cửa ấy. Cái chết là cái gì riêng tư nhất. Vậy chết có cô đơn không? và nếu cô đơn thì có đáng sợ không? Người Công giáo không cô đơn cũng không sợ bước vào cõi chết vì tin tưởng mãnh liệt rằng:

*“Thiên Chúa là Đấng dắt dìu tôi,  
tôi không muốn gì hơn...”*

*Dù tôi bước qua thung lũng tối tăm của sự chết,  
Tôi không sợ chỉ sự dữ, vì Người luôn luôn ở bên tôi.”*

(Tv. 23:1-4)

“Người luôn luôn ở bên tôi” và dẫn tôi về ở với Người, sách GLGHCG dạy:

*“Trong sự chết, Thiên Chúa gọi con người đến với Ngài. Bởi vậy người Kitô hữu có thể có một sự ước ao*

*chết cũng như thánh Phaolô xưa: “Tôi ước ao ra đi để được với Chúa Kitô.” (Pl. 1:23) (GLGHCG #1011)*

Từ niềm tin ấy, cùng với lời nhấn nhủ của tác giả Thánh Vịnh 90 về kiếp người rằng:

*“Tính tuổi thọ, trong ngoài bảy chục,  
Mạnh giới chẳng là được tám mươi”*

(TV 90:10)

Người Công Giáo sống chầm ngôn *sinh ký tử quy*, chuẩn bị đón nhận chết như là một phần của sự sống. Nhiều người tới tuổi sáu chục, bảy chục lo sửa sửa cho mình một thuở đất, có vị xây sẵn cho mình phần mộ, sắm sẵn cỗ áo quan, ngày ngày vuốt ve ngắm nghía, đôi khi nằm thử trong cỗ áo quan như nằm trong một ngôi nhà thân thương trân quý.

Có tiếng lao xao từ phía các bà các chị: *Em và nhà em mới mua được 2 mộ phần rất đẹp, đầu quay về phía Đông, phía có hồ nước...Chồng em sợ lạnh, nên hai đứa mua lại mộ phần được xây trong nhà; phần của tui em ở lầu II... Em tính sẽ hỏa táng, nhưng sợ nóng...*

Nghe sợ nóng chứ không sợ chết mọi người cười thích thú. Khi trận cười dịu lại, một chị đặt câu hỏi: Vậy sau cái chết là gì?

### **Cánh Cửa Thiên Đàng:**

Ông Quân Y hắng giọng, mọi người im lặng quay về phía ông nghe ông nói: vì đã lỡ “tạo nghiệp” khi nói về luân hồi nên xin có cơ hội đi vào cánh cửa ngay sau cái chết. Phật giáo không dừng lại nơi cái chết và luân hồi, mà muốn giải thoát bể khổ của cái vòng sinh tử, muốn đi vào cõi Niết Bàn, Nirvana.

Theo từ điển Phật học, Niết Bàn là trạng thái đã được thối tắt, đã diệt hết lửa phiền não, là thành tựu trí tuệ viên mãn. Trạng thái này là cánh giới giác ngộ siêu việt sinh tử. Theo nghĩa đen, Niết Bàn là không trời buộc, là sự dập tắt các ngọn lửa tham sân si.

Thực ra dập tắt tham sân si chỉ là điều kiện để đi đến Niết Bàn. Vậy Niết Bàn là gì?

Niết Bàn không phải là hư vô, cũng chẳng phải là một sự tận diệt. Khó mà phác họa, hình dung nổi là gì hay không là gì, ngôn ngữ thường tình không thích hợp để mô tả, vì Niết Bàn là

tuyệt đối, duy nhất, phải tự mình chứng ngộ mà thôi. Mời các anh chị nghe câu chuyện trên trang web của Đạo Phật Ngày Nay:

“Một hôm, con rùa đi dạo chơi trên mặt đất rồi trở về hồ nước. Con cá hỏi con rùa từ đâu trở về. Rùa bảo là từ đất khô trở về. Cá thắc mắc không biết đất khô là gì, nên hỏi:

“Thế, đất khô có mát mẻ và êm dịu không? Có trong suốt để ánh sáng xuyên qua được không? Có di chuyển và chảy thành giòng không? Có nổi sóng và tan thành bọt không? v.v...”

Rùa trả lời rằng tất cả những thứ ấy đều không phải. Cá kết luận:

“Tôi hỏi anh bao nhiêu câu hỏi mà anh đều bảo không giống một thứ nào cả, thế thì đất khô mà anh nói đó chỉ là hư vô chứ không gì khác.” Rùa nói:

“Này chị cá, nếu chị quả quyết rằng đất khô là hư vô thì chị cứ tiếp tục nghĩ như thế. Nhưng thực ra, người nào đã biết nước và đất khô sẽ bảo chị là một con cá dại dột vì dám cá quyết rằng cái gì chị không biết đều là hư vô, không có gì hết.”

Thấy chị Năm Xứ Đà nhấp nhúm, mọi người quay về phía chị chờ đợi. Chị Năm có thói quen rào đón trước sau: Xin cảm ơn anh Quân Ý. Như anh nói Niết Bàn là một cảm nghiệm rất riêng tư, một mình mình biết, một mình mình hay, em tự hỏi phải chăng Niết Bàn là trạng thái tâm lý, không khách quan? Đàng khác, Niết Bàn là tình trạng diệt hết dục, diệt cái cố chấp và tham ái của mình với những thứ vô thường dẫn tới khổ đau. Diệt khổ là Niết Bàn, buông bỏ và an lạc. Em tự hỏi khi đạt Niết Bàn có lẽ mình chẳng còn tương quan nào với người khác hay với thân mình nào, một mình mình “cô đơn” trong cái cảm nghiệm siêu thoát của mình? Em cũng tự hỏi để đạt Niết Bàn mình phải tự làm lấy, vậy những nghi thức ma chay có cần không? Nhưng thôi em xin giữ những câu hỏi này cho lần tới. Xin ông Hộ Diêm dẫn chúng tôi vào “sau cái chết” theo Giáo Lý Công Giáo.

Ông Hộ Diêm rất thích dùng giáo huấn của Giáo Hội làm điểm tựa cho lời bàn của mình. Ông mở sách GLGHCG và trích số 1023:

*“Những ai chết trong ân sủng và ân nghĩa của Thiên Chúa, và đã hoàn toàn được thanh tẩy, sẽ sống muôn đời với Chúa Kitô. Họ sẽ mãi mãi giống như Thiên Chúa, vì họ thấy Ngài đúng như Ngài là” (1Ga.3:2), “mặt giáp mặt”*

Và số 1024:

*“... Sự hiệp thông về sự sống và tình yêu với Chúa Ba Ngôi, với Trinh Nữ Maria, các thiên thần và tất cả các thánh được gọi là “Thiên Đàng”. Thiên Đàng là cùng đích tối hậu và là sự thực hiện những khát vọng sâu xa nhất của con người, đó là hạnh phúc cao nhất và vĩnh viễn”.*

Và số 1025:

*“Sống trên Thiên Đàng là “ở với Đức Kitô”. Những người được chọn thì sống trong Ngài, nhưng họ vẫn giữ được, hay nói đúng hơn, họ tìm thấy ở đó bản sắc đích thực của mình, tên gọi riêng của mình.”*

Và số 1027:

*“... Thánh Kinh nói về Thiên Đàng qua những hình ảnh: sự sống, ánh sáng, bình an, bữa tiệc cưới, rượu của Nước Trời, nhà Cha... (nơi) “Mắt chưa từng xem thấy, tai chưa từng nghe thấy, lòng trí con người chưa từng nghĩ tới...” (1 Cr.2:9)*

Qua những trích dẫn trên, thì Thiên Đàng

- Dành cho những người đã chết trong ân sủng. Nếu chưa được hoàn toàn trong trắng, không một tỳ vết, dù là rất nhỏ, sẽ được thanh tẩy trong luyện ngục. (GLGHCG #1031).

- Những người trong luyện ngục có thể được thanh tẩy nhờ những hy sinh, cầu nguyện của người còn sống. (GLGHCG #1032).

- Con người không hưởng Thiên Đàng một mình, nhưng trong một tương quan thật viên mãn. Và chính trong tương quan đó con người nhận ra mình là mình một cách thật viên mãn. Điều này cho chúng ta một niềm vui trọn vẹn là mình sẽ gặp tất cả những người thân thương của mình, chúng mình sẽ hội họp với nhau nơi tràn đầy sự sống, ánh sáng, bình an, và thật vui như trong bữa tiệc cưới.

